

Bản án số: **38/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 09-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1989

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Thị D và bị đơn ông Nguyễn Hoàng K cùng thống nhất xác định những nội dung được thể hiện tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai, cụ thể:*

Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/7/2007 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 08/9/2013.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay vợ chồng thống nhất thỏa thuận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn nhau, nhưng do ông bà từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan chuyên môn nào cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không thể ghi nhận;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Yên T, sinh ngày 28/7/2007 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 08/9/2013 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

Hiện bà D đang có nghề nghiệp ổn định từ việc bán thịt heo tại chợ V thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 15.000.000 đồng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:*** Các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Hơn nữa nguyên đơn bà D, bị đơn ông K cũng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông K.

[2] Về nội dung: Các đương sự thống nhất vợ chồng từ khi sống chung với nhau đến nay không đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và bị đơn ông Nguyễn Hoàng K chung sống với nhau từ năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001). Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà D và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà D có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự cùng nhau thống nhất xác định và tự thỏa thuận, sau khi ly hôn giao con chung tên Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 28/7/2007 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 08/9/2013 cho bà D trực tiếp nuôi, ông K không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Yến T, Nguyễn Đăng K1 cũng đã có ý kiến bằng văn bản sau khi cha mẹ (ông K, bà D) ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống chung với bà D. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

Việc bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa giữa hai bên đều thống nhất xác định và công nhận bà D có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, ông K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

[5] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà Lê Thị D và bị đơn ông Nguyễn Hoàng K cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị D với ông Nguyễn Hoàng K.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Lê Thị D với ông Nguyễn Hoàng K, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 28/7/2007 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 08/9/2013 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng (có đơn trình bày nguyện vọng của Nguyễn Thị Yến T, Nguyễn Đăng K1), ông K không cấp dưỡng nuôi con cùng D sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà D phải chịu **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002638 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND TT Vĩnh Thuận;*
- *UBND xã An Minh Bắc;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

Phạm Thị Mỹ Linh